|  |  |
| --- | --- |
| Trường: THCS Phú Đô, Nam Từ Liêm, Hà Nội  Giáo viên: Phạm Thị Huệ Chi  Tổ: Khoa học tự nhiên | *Năm học: 2021 - 2022* |

**LUYỆN TẬP CHUNG (2 tiết)**

|  |  |
| --- | --- |
| 1. **I. MỤC TIÊU** | |
| 1. **1. Kiến thức***:* gắn kết các nội dung kiến thức từ bài 28 đến bài 31. | |
| 1. **2. Năng lực:**   - Viết được phân số thập phân dưới dạng số thập phân; đọc, viết số thập phân; viết được số đối của số thập phân; so sánh được số thập phân.  - Tính toán được biểu thức có chứa số thập phân.  - Làm tròn được một số thập phân đến hàng đã chọn, ước lượng được kết quả của phép tính.  - Giải được một số bài toán có nội dung thực tiễn về tỉ số, tỉ số phần trăm. | |
| 1. **3. Phẩm chất:** Rèn luyện ý thức tìm tòi, khám phá, ý thức làm việc nhóm, ý thức hoàn thành nhiệm vụ học tập. | |
| 1. **II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU** | |
| **1. Chuẩn bị của GV:**   * - Máy chiếu, phiếu hoạt động nhóm, phiếu báo cáo kết quả hoạt động nhóm. * - Chia lớp ra thành 5 nhóm, mỗi nhóm 7 thành viên. | |
| **2. Chuẩn bị của HS:**   * Ôn lại các kiến thức đã học từ bài 28 đến bài 31. | |
| 1. **III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC** | |
| **Tổ chức thực hiện** | **Sản phẩm** |
| ***Hoạt động mở đầu*** (10 phút)  **Mục tiêu:** Làm cho học sinh tái hiện lại các kiến thức đã học qua các bài toán cụ thể.  **Nội dung:** Giải quyết các bài toán trong phiếu hoạt động nhóm | |
| * - Ổn định tổ chức lớp, cho học sinh về nhóm như đã chia trước. * - GV nêu phương thức hoạt động nhóm, HS làm theo yêu cầu. * - Đổi chéo kết quả để chấm chéo theo hướng dẫn của GV. | Hs làm được bài tập vào phiếu hoạt động và có kết quả nhóm trong phiếu báo cáo kết quả hoạt động. |
| ***Hoạt động hình thành kiến thức*** *(30 phút)*  **Mục tiêu:** Chữa các bài tập trong phiếu đã phát, chỉ ra các lỗi sai và lưu ý cho HS  **Nội dung:** 7 bài tập trong phiếu hoạt động nhóm. | |
| * Câu 1. HS biết so sánh các số thập phân và làm phép tính với số thập phân đúng * Câu 2. HS biết suy luận và nhân hai số thập phân   Câu 3. HS tính được giá trị của biểu thức với các phéo tính cộng, trừ, nhân chia.  Câu 4. HS biết ước lượng kết quả của phép tính để nhận định tính đúng sai của một khẳng định.  Câu 5. HS giải quyết được một bài toán về phần trăm có yếu tố thực tiễn.  Câu 6. HS giải quyết được bài toán thực tế về tỉ số, tỉ số phần trăm.  Câu 7. HS giải quyết được bài toán thực tế về tỉ số phần trăm. | **Câu 1.**  a) Vì nên thủy ngân ở thể rắn.  b) Để thủy ngân bắt đầu bay hơi, cần phải tang nhiệt độ của tủ thêm:    **Câu 2.**  Cần dùng số tấn gỗ để sản xuất giấy là:  (triệu tấn gỗ)  Đáp số: 16,1656 triệu tấn gỗ.  **Câu 3.**        **Câu 4.**  Ta có nên ta ước lượng tích  Vì nên kết quả phép tính là sai.  **Câu 5.**  Khối lượng quá tải của xe là:  (tấn)  Tỉ lệ quá tải của xe là:  Đáp số:  **Câu 6.**  Sau một năm, bác Đức lãi số tiền là:  (triệu đồng)  Sau một năm, bác Đức rút cả vốn lẫn lãi thì được số tiền là:  (triệu đồng)  Đáp số: triệu đồng  **Câu 7.**  Người mua được giảm số tiền là:  (nghìn đồng)  Đáp số: nghìn đồng |
| ***Hoạt động luyện tập và vận dụng*** *(48 phút)*  **Mục tiêu:** Nhằm giúp hs vận dụng kiến thức đã học vào giải các bài tập liên quan.  **Nội dung:** Thực hiện các bài tập từ 7.21 đến 7.25 | |
| * HS luyện tập cá nhân, chấm chéo theo bàn. * GV gọi HS lên bảng làm và chữa mẫu, các bạn dưới lớp làm độc lập vào vở, chấm chéo khi hết thời gian từng bài và chữa bài. | 7.21. a)  b)  c)  7.22.  7.23. a)  b)  gam  7.24. a)  đồng  b)  đồng  7.25. Khoảng  nghìn tấn. |
| ***Hoạt động dặn dò, hướng dẫn tự học ở nhà*** (2 phút)   * Ôn lại toàn bộ kiến thức đã học trong chương VII * Làm các bài tập 7.26, 7.27, 7.30 | |

**PHIẾU HOẠT ĐỘNG NHÓM**

Câu 1. (bài 7.9 trang 36) Điểm đông đặc và điểm sôi của thủy ngân lần lượt là và . Một lượng thủy ngân đang để trong tủ bảo quản ở nhiệt độ .

a) Ở nhiệt độ đó, thủy ngân ở thể rắn, thể lỏng hay thể khí?

b) Nhiệt độ của tủ phải tăng thêm bao nhiêu độ để lượng thủy ngân bắt đầu bay hơi?

……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………….

Câu 2. (bài 7.11 trang 36) Năm 2018, ngành giấy Việt Nam sản xuất được triệu tấn. Biết rằng để sản xuất ra 1 tấn giấy phải dùng hết tấn gỗ. Em hãy tính xem năm 2018 Việt Nam đã phải dùng bao nhiêu tấn gỗ cho sản xuất giấy?

……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………….

Câu 3. (bài 7.8a trang 36) Tính giá trị của biểu thức sau:

……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………….

Câu 4. (ví dụ 1 trang 44) Một em học sinh làm phép nhân được kết quả là . Bằng cách ước lượng, em hãy cho biết kết quả trên đúng hay sai?

……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………….

Câu 5. (ví dụ 2 trang 44) Khi tham gia giao thông, các xe chở hàng quá tải trọng cho phép sẽ bị phạt. Mức phạt tùy thuộc vào xe chở quá tải bao nhiêu phần tram. Một xe có tải trọng 8 tấn nhưng lại chở tấn hàng hóa. Hỏi xe đó chở quá tải bao nhiêu phần trăm?

……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………….

Câu 6. (bài 7.18 trang 43) Lãi suất tiền gửi kì hạn một năm của một ngân hàng là . Bác Đức gửi 150 triệu đồng vào ngân hàng đó. Sau một năm, bác Đức rút cả vốn lẫn lãi thì nhận được bao nhiêu tiền?

……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………….

Câu 7. (bài 7.19 trang 43) Giá niêm yết của một chiếc điện thoại di động là 625 nghìn đồng. Trong chương trình khuyến mại, mặt hàng này được giảm giá . Như vậy khi mua một chiếc điện thoại loại này người mua được giảm bao nhiêu tiền?

……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………….

**PHIẾU ĐIỀN ĐÁP ÁN HOẠT ĐỘNG NHÓM**

NHÓM: … ĐIỂM SỐ:

|  |  |
| --- | --- |
| **Câu** | **Đáp án** |
| 1 |  |
| 2 |  |
| 3 |  |
| 4 |  |
| 5 |  |
| 6 |  |
| 7 |  |